

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HSST

Ngày: 06/4/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Tr

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang T1 và bà Vũ Thị T2.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn M3 L - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân H7ện K, tỉnh H8 Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị T3 - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2023/TLST-HS ngày 03/3/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/HSST ngày 17/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/HSST-QĐ ngày 30/3/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1997; Tên gọi khác: Không có; Nơi cư trú: Thôn K1, xã T4, Huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn H (Đã chết); Con bà: Đặng Thị M, sinh năm 1971; Anh, chị, em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2022 đến ngày 16/01/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. (*Bị cáo hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa*).

2. Họ và tên: Lê M3 T, sinh năm 2002; Tên gọi khác: Không có; Nơi cư trú: Thôn M1, xã T4, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Văn B, sinh năm 1977; Con bà: Đỗ Thị H1, sinh năm 1982; Anh, chị, em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Nhân thân: Ngày 29/7/2019, bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 01 năm 9 tháng tù về tội "***Gây rối trật tự công cộng***", chấp hành xong bản án vào ngày 19/4/2021. (Thời điểm phạm tội, Lê M3 T dưới 18 tuổi nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 BLHS thuộc trường hợp được coi là không có án tích); Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K, theo Lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Lê Đình H2, sinh năm 1996
Trú tại: Thôn H3, xã T4, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
2. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2004
Trú tại: Thôn H3, xã T4, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
3. Anh Đặng Đình H4, sinh năm 1995
Trú tại: Thôn K1, xã T4, Huyện K, tỉnh Hưng Yên.
4. Anh Phạm Hoàng A, sinh năm 1998
Trú tại: Thôn T5, xã T4, Huyện K, tỉnh Hưng Yên.
5. Anh Lê Văn H6, sinh năm 2004
Trú tại: Thôn M1, xã T4, Huyện K, tỉnh Hưng Yên.
6. Anh Nguyễn Quang H7, sinh ngày 27/8/2005.
Người giám hộ: Ông Nguyễn Văn H8 sinh năm 1980 (bố đẻ)
Đều trú tại: Thôn H3, xã T4, Huyện K, tỉnh Hưng Yên.
7. Anh Lê Tuấn P, sinh năm 2001
Trú tại: Thôn M1, xã T4, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
8. Anh Hồ Duy K3, sinh năm 2004
Trú tại: Thôn H3, xã T4, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
9. Anh Hoàng Văn M3, sinh năm 2001
Trú tại: Thôn M4, xã T4, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
10. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 2000
Trú tại: Thôn B1, xã B1, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
11. Anh Đỗ Văn V, sinh năm 2001
Trú tại: Thôn M1, xã T4, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
12. Anh Lê Văn L, sinh ngày 06/11/2005
Người giám hộ: Ông Lê Văn S sinh năm 1981 (bố đẻ)
Đều trú tại: Thôn T5, xã T4, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
13. Anh Phạm Như V1, sinh năm 1996
Trú tại: Thôn M4, xã Đ1, huyện K, tỉnh H8 Yên.
14. Anh Nguyễn Đăng Q, sinh năm 1995
Trú tại: Thôn A1, xã H9, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*** Người làm chứng:**

- Ông Lê Văn V4, sinh năm 1970.
Trú tại: Thôn Đ2, xã Đ2, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên tòa: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người giám hộ và người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 12/2022, Nguyễn Văn Đ nhờ Lê M3 T tìm mua hộ pháo hoa nổ để đốt trong dịp Tết Nguyên Đán. T sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn H2 Iphone 11 màu xanh của mình để lập một tài khoản Facebook có tên là “**Bui Doi**” rồi tìm hiểu thấy một tài khoản Facebook (không nhớ tên) có đăng

bán pháo hoa giá rẻ. Thấy vậy, T đã nhắn tin Messenger hỏi mua 12 hộp pháo hoa nổ loại 36 quả. Khoảng 20 giờ ngày 18/12/2022, người bán pháo nhắn tin lại qua mạng xã hội Messenger thỏa thuận bán cho T 12 hộp pháo với giá 12.000.000đ và cho thêm 02 hộp pháo nổ để đốt thử. Đồng thời, người này yêu cầu T đặt cọc trước số tiền 5.000.000đ, khi nào nhận pháo xong thì thanh toán nốt. Lúc này, anh Nguyễn Đăng Q đang đi trên đò thì có một người thanh niên đến nhờ anh Q chuyển tiền qua tài khoản. Người thanh niên này nói dối với anh Q là do không có tiền mặt nên nhờ anh Q ứng cho số tiền 5.000.000đ, đồng thời xin anh Q số tài khoản để chuyển khoản trả số tiền 5.000.000đ vào tài khoản của anh Q. Sau khi được anh Q đồng ý cho số tài khoản, người bán pháo nhắn tin số tài khoản của anh Q cho T để yêu cầu CH7iền tiền vào tài khoản. Cùng thời điểm này, T gọi điện cho Đ nói người bán pháo yêu cầu phải chuyển tiền đặt cọc và T đọc cho Đ số tài khoản ngân hàng mà người bán pháo đã thông báo để Đ chuyển tiền. Đ sử dụng chiếc điện thoại Iphone 11 pro vỏ màu xanh để chuyển khoản số tiền 5.000.000đ từ tài khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội số 7400100249999 của Đ đến số tài khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội số 0101119958668, chủ tài khoản là anh Nguyễn Đăng Q. Sau khi thấy số tiền 5.000.000đ được chuyển vào tài khoản của mình, anh Q đã đưa cho người bán pháo 5.000.000đ tiền mặt.

Khoảng 00 giờ ngày 19/12/2022, người bán pháo nhắn tin Messenger hẹn T đi đến khu vực gần dốc chợ Bái thuộc địa phận Thôn Đ2, xã Đ2, huyện K để nhận pháo. T điều khiển xe mô tô nhãn H2 Honda Wave màu xanh-đen gắn biển số: 29L7-1479 đến dốc chợ Bái thì gặp một thanh niên khoảng 28-30 tuổi, cao khoảng 1m75, đeo khẩu trang (không biết tên, địa chỉ). Người này gọi T ra rìa đê, đưa cho T 01 bao tải dứa màu xanh đen và nói: “*Anh xem hàng đi*”. T mở bao tải ra thấy bên trong có 12 hộp pháo hoa nổ và 02 dây pháo được cuộn tròn trong hộp. T kiểm tra thấy đúng và đủ loại pháo đã đặt nên bảo người này chờ để gọi người thanh toán nốt số tiền còn lại, người này bảo T cứ về đi rồi thanh toán tiền sau. Sau đó người bán pháo bỏ đi, còn T đang bê bao tải chứa pháo vừa mua được lên xe để đi về thì bị lực lượng Công an huyện K bắt quả tang.

Vật chứng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện thu giữ: 01 bao tải dứa màu xanh đen; 12 vật hình hộp chữ nhật có kích thước tương đương nhau khoảng (14,5x14,5x15) cm, bên ngoài dán kín bằng giấy có nhiều màu sắc ghi chữ nước ngoài, trong mỗi hộp có 36 vật hình trụ tròn, đường kính mỗi vật là 2,5cm, được kết dính với nhau bằng dây dẫn màu xám; 01 vật hình trụ tròn cao 9,5cm, đường kính 14cm bên ngoài bọc giấy báo xung quanh, bên trong có 105 vật hình trụ tròn có kích thước tương đồng nhau cao khoảng 4,5cm, đường kính 1,5cm xung quanh dán giấy màu đỏ, các vật hình trụ được nối với nhau bằng dây màu xám; 01 vật hình trụ tròn cao 9,5cm, đường kính 13cm bên ngoài bọc giấy báo xung quanh, bên trong có 105 vật hình trụ tròn có kích thước tương đồng nhau cao khoảng 4,5cm, đường kính 1,5cm xung quanh dán giấy màu đỏ, các vật hình trụ được nối với nhau bằng dây màu xám; 01 điện thoại di động nhãn H2 Nokia 105, vỏ màu xanh đã qua sử dụng và 01 xe mô tô nhãn H2 Wave màu xanh đen, biển số 89L7-1479.

Ngày 19/12/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện đã thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn Đ, lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê M3 T và Nguyễn Văn Đ, kết quả:

- Tại nơi ở của Lê M3 T: Không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tại nơi ở của Nguyễn Văn Đ: Phát hiện và thu giữ tại bàn trang điểm kê trong phòng ngủ của Đ có 01 quyển sổ có 08 tờ giấy có ghi chữ và số với nội dung Giấy vay tiền. Ngoài ra, Đ tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 11 pro vỏ màu xanh và 01 tờ giấy đôi loại giấy vở học sinh nhãn H2 M3 Châu có ghi các chữ và số với nội dung Đ cho một số người vay tiền.

Tại bản kết luận giám định số 13 ngày 23/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: 02 vật hình trụ tròn bên trong chứa các vật hình trụ tròn bằng giấy được liên kết với nhau thành bánh bằng dây dẫn màu xám, trong niêm phong ghi ký H2 A, có tổng khối lượng là 1,22 kg đều là pháo, loại pháo nổ; 12 vật hình hộp chữ nhật, bên trong chứa các hình trụ tròn bằng giấy được liên kết với nhau thành giàn bằng dây dẫn màu xám, trong niêm phong ghi ký H2 A, có tổng khối lượng là 17,0 kg đều là pháo, loại pháo nổ (pháo hoa nổ).

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện K, bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể như sau:

1. Ngày 06/7/2022, anh Hồ Duy K3 vay của Nguyễn Văn Đ số tiền 10.000.000đ, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, 180%/năm (một tháng trả lãi một lần, 1 tháng bằng 30 ngày). Đ cắt lãi tháng đầu tiên là 1.500.000đ và đưa cho K3 8.500.000đ. Ngày 06/8/2022 K3 trả Đ 1.500.000đ tiền lãi. Sau đó, hai bên thống nhất K3 không phải trả tiền lãi nữa mà chỉ phải trả tiền gốc cho Đ. Đến nay, anh K3 còn nợ Đ 2.000.000đ tiền gốc.

+ Số tiền lãi K3 đã trả Đ là: $2 \times 1.500.000đ = 3.000.000đ$.

+ Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là: $20\% \times 10.000.000 : 12 \times 2 = 333.333đ$.

Như vậy, số tiền Đ thu lời bất Cnh từ việc cho anh K3 vay ngày 06/7/2022 là: $3.000.000đ - 333.333đ = 2.666.667đ$.

2. Ngày 15/7/2022, anh Hoàng Văn M3 vay của Nguyễn Văn Đ 15.000.000đ, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, 180%/năm (một tháng trả lãi một lần, 1 tháng bằng 30 ngày). Đ cắt lãi tháng đầu tiên là 2.250.000đ và đưa cho anh M3 12.750.000đ. Đã trả lãi tháng 8, 9, 10/2022 mỗi tháng 2.250.000đ. Ngày 15/11/2022 anh M3 đã trả Đ hết số tiền vay gốc.

+ Số tiền lãi anh M3 đã trả Đ là: $4 \times 2.250.000đ = 9.000.000đ$.

+ Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là: $20\% \times 15.000.000 : 12 \times 4 = 1.000.000đ$.

Như vậy, số tiền Đ thu lời bất Cnh từ việc cho anh M3 vay ngày 15/7/2022 là: $9.000.000đ - 1.000.000đ = 8.000.000đ$.

3. Ngày 29/7/2022, anh Đỗ Văn V vay của Nguyễn Văn Đ 10.000.000đ, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, 180%/năm (một tháng trả lãi một lần, 1 tháng bằng 30 ngày). Đ cắt lãi tháng đầu tiên là 1.500.000đ và đưa cho anh V

8.500.000đ. Ngày 29/8/2022 đã trả 1.500.000đ tiền lãi. Ngày 29/9/2022, anh V đã trả Đ 10.000.000đ tiền gốc.

+ Số tiền lãi anh V đã trả cho Đ là: $2 \times 1.500.000đ = 3.000.000đ$.

+ Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là: $20\% \times 10.000.000 : 12 \times 2 = 333.333đ$.

Như vậy, số tiền Đ thu lời bất chính từ việc cho anh V vay ngày 29/7/2022 là: $3.000.000 - 333.333 = 2.666.667đ$.

4. Ngày 07/8/2022, anh Lê Văn L vay của Nguyễn Văn Đ 5.000.000đ, lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, 108%/năm (một tháng trả lãi một lần, 1 tháng bằng 30 ngày). Đ cắt lãi tháng đầu tiên là 450.000đ và đưa cho anh L 4.550.000đ. Tháng 9/2022, anh L đã trả Đ tiền vay gốc.

+ Số tiền lãi anh L đã trả trong thời hạn 1 tháng là: 450.000đ.

+ Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là: $20\% \times 5.000.000 : 12 \times 1 = 83.333đ$.

Như vậy, số tiền Đ thu lời bất chính từ việc cho anh H4 vay ngày 20/8/2022 là: $450.000 - 83.333 = 366.667đ$.

5. Ngày 19/8/2022, anh Phạm Hoàng A vay của Nguyễn Văn Đ 10.000.000đ, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, 180%/năm (một tháng trả lãi một lần, 1 tháng bằng 30 ngày). Đ cắt lãi tháng đầu tiên là 1.500.000đ và đưa cho anh Anh 8.500.000 đ. Ngày 19/9/2022 trả Đ 1.500.000đ tiền lãi và ngày 19/10/2022 trả 10.000.000đ tiền gốc.

+ Số tiền lãi Hoàng A đã trả Đ là: $2 \times 1.500.000đ = 3.000.000đ$.

+ Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là: $20\% \times 10.000.000 : 12 \times 2 = 333.333đ$.

Như vậy, số tiền Đ thu lời bất Cnh từ việc cho anh Hoàng A vay ngày 19/8/2022 là: $3.000.000đ - 333.333đ = 2.666.667đ$.

6. Ngày 20/8/2022, anh Đặng Đình H4 vay của Nguyễn Văn Đ 10.000.000đ. lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, 108%/năm (một tháng trả lãi một lần, 1 tháng bằng 30 ngày). Đ cắt lãi tháng đầu tiên là 900.000đ và đưa cho anh H4 9.100.000đ. Ngày 20/9/2022 anh H4 trả Đ 900.000đ tiền lãi và ngày 20/10/2022 trả 900.000đ tiền lãi. Anh H4 đã trả lãi cho Đ 03 lần vào tháng 8/2022; 9/2022 và tháng 10/2022. Đến ngày 19/12/2022, anh H4 chưa trả tiền gốc và tiền lãi của 29 ngày cho Đ.

+ Số tiền lãi anh H4 đã trả cho Đ là: $3 \times 900.000đ = 2.700.000đ$.

+ Số tiền lãi anh H4 phải trả Đ là 3 tháng 29 ngày là: $3 \times 900.000đ + 3.000đ \times 29 \times 10 = 3.570.000đ$.

+ Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là: $20\% \times 10.000.000 : 12 \times 3 + 20\% \times 10.000.000 : 365 \times 29 = 658.904đ$.

Như vậy, số tiền Đ thu lời bất Cnh từ việc cho anh H4 vay ngày 20/8/2022 là: $3.570.000 - 658.904 = 2.911.096đ$.

7. Ngày 22/8/2022, anh Nguyễn Văn Đ vay của Nguyễn Văn Đ 10.000.000đ. lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, 180%/năm (một tháng trả lãi một lần, tháng bằng 30 ngày). Đ cắt lãi tháng đầu tiên là 1.500.000đ và đưa cho anh Đ 8.500.000đ. Ngày 22/9/2022 anh Đ trả Đ 1.500.000đ tiền lãi và ngày 22/10/2022 anh Đ trả 10.000.000đ tiền gốc.

+ Số tiền lãi anh Đ đã trả là 02 tháng bằng 3.000.000đ.
+ Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự anh Đ phải trả trong 02 tháng là: $20\% \times 10.000.000đ : 12 \times 2 = 333.333đ$.

Số tiền Đ thu lãi bất Cnh từ việc cho anh Đ vay ngày 22/8/2022 là: $3.000.000đ - 333.333đ = 2.666.667đ$.

8. Ngày 23/8/2022, anh Lê Văn H6 vay của Nguyễn Văn Đ 5.000.000đ, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, 180%/năm (một tháng trả lãi một lần, 1 tháng bằng 30 ngày). Đ cắt lãi tháng đầu tiên là 750.000đ và đưa cho anh H6 4.250.000đ. Ngày 22/9/2022, anh H6 đã trả Đ 5.000.000đ tiền gốc.

+ Số tiền lãi H6 đã trả Đ là 1 tháng là: 750.000đ.

+ Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là: $20\% \times 5.000.000 : 12 \times 1 = 83.333đ$.

Như vậy, số tiền Đ thu lãi bất Cnh từ việc cho anh H6 vay ngày 22/8/2022 là: $750.000đ - 83.333đ = 666.667đ$.

9. Ngày 24/8/2022, anh Lê Đình H2 vay của Nguyễn Văn Đ 10.000.000đ, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, 180%/năm (một tháng trả lãi một lần, 1 tháng bằng 30 ngày). Đ cắt lãi tháng đầu tiên là 1.500.000đ và đưa cho anh H2 8.500.000đ. Đã trả lãi tháng 9, 10, 11/2022 mỗi tháng 1.500.000đ. Anh H2 chưa trả số tiền vay gốc cho Đ.

+ Số tiền lãi anh H2 đã trả cho Đ là: $4 \times 1.500.000đ = 6.000.000đ$.

+ Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là: $20\% \times 10.000.000 : 12 \times 4 = 666.667đ$.

Như vậy, số tiền Đ thu lãi bất chính từ việc cho anh H2 vay ngày 24/8/2022 là: $6.000.000 - 666.667 = 5.333.333đ$.

10. Ngày 01/10/2022, anh Lê Tuấn P vay của Nguyễn Văn Đ 10.000.000đ, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, 180%/năm (một tháng trả lãi một lần, 1 tháng bằng 30 ngày). Đ cắt lãi tháng đầu tiên là 1.500.000đ và đưa cho anh P 8.500.000đ. Ngày 01/11/2022 anh P trả Đ 10.000.000đ tiền gốc.

+ Số tiền lãi anh P đã trả Đ là: 1.500.000đ.

+ Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là: $20\% \times 10.000.000 : 12 \times 1 = 166.667đ$.

Như vậy, số tiền Đ thu lãi bất chính từ việc cho anh P vay ngày 01/10/2022 là: $1.500.000đ - 166.667đ = 1.333.333đ$.

11. Ngày 03/10/2022, anh Hoàng Văn C vay của Nguyễn Văn Đ số tiền 10.000.000đ, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, 180%/năm (một tháng trả lãi một lần, 1 tháng bằng 30 ngày). Đ cắt lãi tháng đầu tiên là 1.500.000đ và đưa cho anh C 8.500.000đ. Tháng 11/2022 và 12/2022 mỗi tháng C đã trả 1.500.000đ tiền lãi. Anh C chưa trả Đ tiền gốc.

+ Số tiền lãi C đã trả cho Đ là: $3 \times 1.500.000đ = 4.500.000đ$.

+ Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là: $20\% \times 10.000.000 : 12 \times 3 = 500.000đ$.

Như vậy, số tiền Đ thu lãi bất chính từ việc cho anh C vay ngày 20/8/2022 là: $4.500.000 - 500.000 = 4.000.000đ$.

12. Ngày 04/10/2022, anh Nguyễn Quang H7 vay của Nguyễn Văn Đ 5.000.000đ, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, 180%/năm (một tháng trả lãi

một lần, 1 tháng 30 ngày). Đ cắt lãi tháng đầu tiên là 750.000đ và đưa cho anh H7 4.250.000đ. Ngày 04/11/2022 và ngày 04/12/2022 anh H7 đã trả tiền lãi cho Đ mỗi lần 750.000đ. Đến ngày 19/12/2022 chưa trả gốc.

+ Số tiền lãi H7 đã trả Đ 3 tháng là: $3 \times 750.000\text{đ} = 2.250.000\text{đ}$.

+ Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là: $20\% \times 5.000.000 : 12 \times 3 = 250.000\text{đ}$.

Như vậy, số tiền Đ thu lợi bất chính từ việc cho anh H4 vay ngày 04/10/2022 là: $2.250.000\text{đ} - 250.000\text{đ} = 2.000.000\text{đ}$.

Tổng số tiền mà Đ thu lợi bất chính từ 12 lần việc cho vay tiền là:
 $2.666.667\text{đ} + 8.000.000\text{đ} + 2.666.667\text{đ} + 366.667\text{đ} + 2.666.667\text{đ} + 2.911.096\text{đ} + 2.666.667\text{đ} + 666.667\text{đ} + 5.333.333\text{đ} + 1.333.333\text{đ} + 4.000.000\text{đ} + 2.000.000\text{đ} = 35.277.764\text{đ}$.

Ngày 04/01/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trưng cầu Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Hưng Yên giám định chữ viết, chữ số trên các tờ giấy cho vay tiền của Đ thu tại nơi ở của Đ và chữ viết, chữ ký, chữ số trên những mảnh giấy do Lê Văn H6, Hoàng Văn M3, Nguyễn Quang H7 giao nộp so sánh với chữ viết, chữ số trong các bản tự khai do Lê Văn H6, Hoàng Văn M3 và Nguyễn Quang H7 viết ra. Giám định chữ viết, chữ số trên tờ giấy đôi, loại vở học sinh do Đ giao nộp so với chữ viết, chữ số trong các bản tự khai do Đ viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 51/KL-PC09 ngày 13/01/2023 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Chữ viết, chữ số trong các Giấy vay tiền thu tại nhà của Đ so với chữ viết, chữ số của Lê Văn H6, Hoàng Văn M3, Nguyễn Quang H7 là do cùng một người viết ra. Chữ viết, chữ số trên tờ giấy đôi, loại vở học sinh do Đ giao nộp so với chữ số, chữ viết trên các bản tự khai của Đ là do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra, bị cáo Lê M3 T và Nguyễn Văn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về vật chứng: Đối với 01 thùng catton niêm phong bên trong có chứa pháo nổ hoàn lại sau giám định, 01 điện thoại di động nhãn H2 Iphone 11pro vỏ màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn H2 Nokia 105 vỏ màu xanh và 01 bao tải dứa màu xanh đen xác định có liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã nhập vào kho vật chứng chờ xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn H2 Wave màu xanh đen, biển số 29L7-1479, xác định thuộc sở hữu hợp pháp của anh Phạm Như V1, anh V1 cho T mượn làm P tiện đi lại, không biết T sử dụng xe để đi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho anh V1 là chủ sở hữu.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 11, màu xanh của T đã dùng để liên lạc với người bán pháo, T khai đã làm mất nên không có căn cứ xác M3, thu giữ.

Tại bản cáo trạng số: 36/CT-VKS-KC, ngày 03/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "**Tàng trữ hàng cấm**" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự và tội "**Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự**" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Lê M3 T về tội "**Tàng trữ hàng cấm**" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+, Tuyên bố Lê M3 T phạm tội **“Tàng trữ hàng cấm”**. Nguyễn Văn Đ phạm tội **“Tàng trữ hàng cấm”** và tội **“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”**.

Căn cứ Điểm c khoản 1 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự (đối với Lê M3 T). Điểm c khoản 1 Điều 191; khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 điều 65; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 55, Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự (đối với Nguyễn Văn Đ).

Xử phạt Lê M3 T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/12/2022.

Xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm về tội **“Tàng trữ hàng cấm”** và từ 50.000.000đ đến 55.000.000đ về tội **“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”**.

+, Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

+, Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 BLHS; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự. Truy thu của Nguyễn Văn Đ 77.583.332đ sung ngân sách Nhà nước. Buộc anh Hồ Duy K3 nộp 2.000.000đ, anh Đặng Đình H4 nộp 10.000.000đ, anh Lê Đình H2 nộp 10.000.000đ, anh Hoàng Văn C nộp 10.000.000đ và anh Nguyễn Quang H7 nộp 5.000.000đ sung ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo Đ trả lại người vay Hồ Duy K3 2.666.667đ, Hoàng Văn M3 8.000.000đ, Đỗ Văn V 2.666.667đ, Phạm Hoàng A 2.666.667đ, Đặng Đình H4 2.200.000đ, Lê Văn H6 666.667đ, Lê Đình H2 5.333.333đ, Lê Tuấn P 1.333.333đ, Hoàng Văn C 4.000.000đ, Nguyễn Quang H7 2.000.000đ, Nguyễn Văn Đ 2.666.667đ và Lê Văn L 366.667đ.

+, Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 thùng niêm phong 18,05kg pháo nổ là mẫu vật hoàn lại sau giám định và 01 chiếc bao tải dừa; Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn H2 Nokia 105 vỏ màu xanh; Trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động nhãn H2 Iphone 11 pro vỏ màu xanh.

+, Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

- Các bị cáo không tranh luận gì. Khi được nói lời sau cùng, cả hai bị cáo trình bày đã nhận thức được lỗi lầm của mình, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Qua xem xét sự vắng mặt của họ, Tòa án đã triệu tập, tổng Đ họp lệ nên xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo không yêu cầu hoãn phiên tòa. Sau khi thảo luận tại phòng xử án, căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp khách quan với lời khai của các bị cáo tại quá trình điều tra và phù hợp với sự thật khách quan của vụ án. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập theo quy định của pháp luật, các chứng cứ tài liệu đó là: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu; Kết luận giám định; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Lời khai của người làm chứng; Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng đầu tháng 12/2022, Nguyễn Văn Đ đã nhờ Lê M3 T tìm mua pháo nổ về để đốt trong dịp Tết Nguyên Đán. Khoảng 20 giờ ngày 18/12/2022, thông qua mạng xã hội Facebook T giao dịch với người bán pháo hoa nổ (T không biết tên, địa chỉ) để đặt mua pháo nổ, đồng thời thông báo để Đ chuyển số tiền đặt cọc là 5.000.000đ. Khoảng 00 giờ ngày 19/12/2022 tại Thôn Đ2, xã Đ2, huyện K, khi T đang tàng trữ 12 hộp pháo hoa nổ và 02 dây pháo nổ có tổng khối lượng là 18,22kg mà Đ nhờ mua hộ thì bị bắt quả tang. Trong khoảng thời gian từ ngày 06/7/2022 đến ngày 19/12/2022, Nguyễn Văn Đ đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với anh Đặng Đình H4 và Lê Văn L với mức lãi suất là 108%/năm; các anh Lê Đình H2, Nguyễn Văn Đ, Phạm Hoàng A, Lê Văn H6, Nguyễn Quang H7, Lê Tuấn P, Hồ Duy K3, Hoàng Văn M3, Hoàng Văn C và Đỗ Văn V mức lãi suất là 180%/năm. Tổng số tiền mà Nguyễn Văn Đ thu lợi bất Cnh là 35.277.764đ. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Nguyễn Văn Đ và Lê M3 T theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số: 36/CT-VKS-KC ngày 03/3/2023 là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bất chấp các quy định của pháp luật, xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản

lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm trong đó có pháo nổ; Bị cáo Đ còn xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế về hoạt động cho vay trong giao dịch dân sự được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội và còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác nên cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự.

[4]. Đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

4.1. Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, nhất thời phạm tội. Bị cáo Lê M3 T có nhân thân xấu, thể hiện: Ngày 29/7/2019, bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “**Gây rối trật tự công cộng**”, chấp hành xong bản án vào ngày 19/4/2021. (Thời điểm phạm tội, Lê M3 T dưới 18 tuổi nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 BLHS thuộc trường hợp được coi là không có án tích).

4.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa P được Cnh quyền địa P xác nhận; Gia đình bị cáo T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được Cnh quyền địa P xác nhận. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

4.4. Về vai trò: Trong vụ án Tàng trữ hàng cấm, bị cáo Đ là người khởi xướng nên giữ vai trò Cnh. Bị cáo T là đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội tích cực.

4.5. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân cùng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò xét thấy:

Bị cáo Lê M3 T có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt hình phạt tù nH8 lại vi phạm nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội, tính chất, mức độ hành vi phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

+, Đối với hành vi phạm tội “*Tàng trữ hàng cấm*”: Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử thấy, không cần thiết phải cách ly Nguyễn Văn Đ ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần áp dụng khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng chống tội phạm nói chung trong toàn xã hội.

+, Đối với hành vi phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”: Căn cứ Điều 35 của Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt Cnh là hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy nghề nghiệp của hai bị cáo là lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định, không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

[6]. Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 BLHS; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự.

Đối với số tiền gốc Đ đã cho những người vay và khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là P tiện phạm tội và là khoản tiền phát sinh từ tội phạm sẽ bị truy thu sung công quỹ nhà nước. Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền Đ thu lời bất Cnh của những người vay nay sẽ buộc Đ phải trả lại những người này. Cụ thể như sau:

- Đối với số tiền gốc: Tổng số tiền gốc Đ đã cho 12 người vay là 110.000.000đ, người vay đã trả 73.000.000đ, người vay chưa trả 37.000.000đ. Nay buộc Đ nộp lại 73.000.000đ sung ngân sách nhà nước. Buộc những người vay chưa trả Đ tiền gốc nộp lại để sung ngân sách nhà nước, trong đó: Hồ Duy K3 2.000.000đ, Đặng Đình H4 10.000.000đ, Lê Đình H2 10.000.000đ, Hoàng Văn C 10.000.000đ và Nguyễn Quang H7 5.000.000đ.

- Đối với khoản lãi Đ đã thu tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 4.583.332đ. Nay sẽ truy thu của Đ để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với khoản lãi Đ đã thu tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là 34.566.668đ. Nay sẽ buộc bị cáo Đ phải trả lại người vay Hồ Duy K3 2.666.667đ, Hoàng Văn M3 8.000.000đ, Đỗ Văn V 2.666.667đ, Phạm Hoàng A 2.666.667đ, Đặng Đình H4 2.200.000đ, Lê Văn H6 666.667đ, Lê Đình H2 5.333.333đ, Lê Tuấn P 1.333.333đ, Hoàng Văn C 4.000.000đ, Nguyễn Quang H7 2.000.000đ, Nguyễn Văn Đ 2.666.667đ và Lê Văn L 366.667đ.

[7]. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, vật chứng được xử lý như sau:

- 01 thùng niêm phong 18,05kg pháo nổ, mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc bao tải dừa không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn H2 Nokia 105 vỏ màu xanh, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo T.

- 01 điện thoại di động nhãn H2 Iphone 11 pro vỏ màu xanh, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo Đ.

[8]. Về án phí: Buộc Nguyễn Văn Đ và Lê M3 T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đ phải chịu 1.728.300đ án phí dân sự. Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

1.1. Điểm c khoản 1 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự (đối với Lê M3 T).

1.2. Điểm c khoản 1 Điều 191; khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 điều 65; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 55, Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự (đối với Nguyễn Văn Đ).

2. Tuyên bố: Bị cáo Lê M3 T phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tàng trữ hàng cấm” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt Lê M3 T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/12/2022.

- Xử phạt Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nH8 cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 06/4/2023 về tội “Tàng trữ hàng cấm” và xử phạt 50.000.000đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho UBND xã T4, huyện K, tỉnh Hưng Yên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp Nguyễn Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 BLHS; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự.

- Truy thu của Nguyễn Văn Đ 77.583.332đ sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Hồ Duy K3 nộp 2.000.000đ, anh Đặng Đình H4 nộp 10.000.000đ, anh Lê Đình H2 nộp 10.000.000đ, anh Hoàng Văn C nộp 10.000.000đ và anh Nguyễn Quang H7 nộp 5.000.000đ sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Đ trả lại người vay Hồ Duy K3 2.666.667đ, Hoàng Văn M3 8.000.000đ, Đỗ Văn V 2.666.667đ, Phạm Hoàng A 2.666.667đ, Đặng Đình H4 2.200.000đ, Lê Văn H6 666.667đ, Lê Đình H2 5.333.333đ, Lê Tuấn P 1.333.333đ, Hoàng Văn C 4.000.000đ, Nguyễn Quang H7 2.000.000đ, Nguyễn Văn Đ 2.666.667đ và Lê Văn L 366.667đ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị cáo không thi hành đúng nghĩa vụ theo bản án thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 thùng niêm phong 18,05kg pháo nổ và 01 chiếc bao tải dứa.

- Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn H2 Nokia 105 vỏ màu xanh và bị cáo Đ 01 điện thoại di động nhãn H2 Iphone 11 pro vỏ màu xanh.

(Tình trạng, số lượng, chủng loại, đặc điểm vật chứng như Quyết định chuyển nhận vật chứng số: 26/QĐ-VKSKC ngày 03/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K)

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.728.300đ án phí dân sự. Bị cáo Lê M3 T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần nội dung bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tổng Đ, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh HY.
- VKSND tỉnh Hưng Yên.
- CA huyện K.
- VKS huyện K.
- Chi cục THADS huyện K.
- UBND xã T4;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tiến Tr